

Số: 3602 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ, trợ cấp cụ thể theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3355/TTr-SNN ngày 19 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ, trợ cấp cụ thể theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Mức hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung: Theo thực tế thiết kế, dự toán, trong mức quy định tại: Điểm b, Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Điểm b, Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT, tối đa 6.600.000 đồng/ha/06 năm.

2. Mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: Theo quy định tại: Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP.

a) Trồng rừng sản xuất:

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/ha/06 năm, đối với trồng rừng cây gỗ lớn; trong đó:



+ Trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất: 4.000.000 đồng/ha (hỗ trợ chi phí: cây giống, phân bón và nhân công).

+ Chăm sóc rừng năm thứ 2 và năm thứ 3: 1.500.000 đồng/ha/năm (hỗ trợ chi phí nhân công).

+ Chăm sóc rừng năm thứ 4, năm thứ 5 và năm thứ 6: 1.000.000 đồng/ha/năm (hỗ trợ chi phí nhân công).

- Hỗ trợ 8 triệu đồng/ha/04 năm, đối với trồng rừng cây gỗ nhỏ; trong đó:

+ Trồng, chăm sóc rừng năm thứ nhất: 4.500.000 đồng/ha (hỗ trợ chi phí cây giống, phân bón và nhân công).

+ Chăm sóc rừng năm thứ 2: 1.500.000 đồng/ha (hỗ trợ chi phí nhân công).

+ Chăm sóc rừng năm thứ 3 và năm thứ 4: 1.000.000 đồng/ha/năm (hỗ trợ nhân công).

b) Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Thực hiện theo mức hỗ trợ của trồng rừng sản xuất đối với cây gỗ lớn theo điểm a khoản 2 trên đây.

3. Trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy: Quy định tại Điều 7, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Điều 6, Thông tư số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT.

a) Mức trợ cấp gạo xác định cho từng hộ gia đình: Diện tích nương rẫy chuyển đổi sang trồng rừng được hỗ trợ tối thiểu từ 0,5 ha trở lên; theo số khẩu thực tế của hộ, nhưng tối đa không quá 4 khẩu/hộ; mỗi khẩu được cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

b) Thời gian hỗ trợ gạo: Bắt đầu tính từ năm triển khai trồng rừng.

- Đối với trồng rừng cây gỗ lớn: 07 năm.

- Đối với trồng rừng cây gỗ nhỏ: 04 năm.

- Số lần trợ cấp: 04 lần/năm (định kỳ 3 tháng một lần).

4. Triển khai thực hiện quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Nghị định số 75/2015/NĐ-CP:

- UBND cấp huyện xác định các loài cây, mật độ trồng phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn.

- Định mức về giống, phân bón, nhân công..., cụ thể cho từng loại cây trồng thực hiện theo hồ sơ thiết kế, dự toán đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố Cam Ranh:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan về nội dung của Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT.

- Lập, xây dựng kế hoạch, xác định nhu cầu kinh phí theo nội dung công việc, đối tượng rừng và đất chưa có rừng quy hoạch để phát triển rừng, đối tượng được nhận hỗ trợ và trợ cấp theo quy định tại Quyết định này, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn được phân bổ theo kế hoạch 05 năm và hằng năm để thực hiện.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn cấp phát, quản lý và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định; kiểm tra, giám sát và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

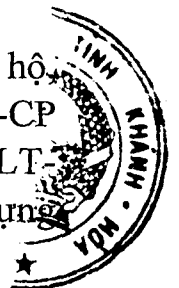
4. Ban dân tộc: Hàng năm rà soát tổng hợp báo cáo Ủy ban dân tộc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã (khu vực II, III) vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

5. Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Khánh Hòa: Chỉ đạo và hướng dẫn các phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các huyện, thị xã, thành phố Cam Ranh cho vay đầu tư theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; kiểm tra giám sát, xử lý và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo các Công ty Lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng phòng hộ rừng đặc dụng căn cứ mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT để lập kế hoạch, nhu cầu kinh phí thực hiện khi xây dựng kế hoạch đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện; tổng hợp nhu cầu kinh phí hàng 5 năm và hàng năm, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bổ sung từ nguồn vốn Trung ương theo quy định; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và tham mưu các giải pháp tháo gỡ, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Ngân hàng: Chính sách xã hội tỉnh, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Khánh Hòa; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Cam Ranh; Thủ trưởng các ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HB, TLe. 37

NN-11.20



Đào Công Thiên